|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số: 2378/QĐ-UBND | *Bà Rịa – Vũng Tàu, ngày 28 tháng 8 năm 2018* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hànhvà bãi bỏ thủ tục hành chính các lĩnh vực:Đất đai;Môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 7 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2555/QĐ-BTNMT ngày 20 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường;Quyết định số 2518/QĐ-BTNMT ngày 17 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về công bố TTHC lĩnh vực môi trường;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số /TTr-STNMT ngày tháng năm 2018,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.**Công bố kèm theo Quyết định này 02thủ tục hành chính mới ban hành: 01 thủ tục hành chính lĩnh vực Môi trường, 01 thủ tục hành chính lĩnh vực Đất đaithuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Bãi bỏ 01 thủ tục hành chínhlĩnh vực Đất đaithuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xãtrên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã được ban hành tại Quyết định số 1195/QĐ-UBND ngày 08 tháng 5 năm 2017của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

(nội dung chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

**Điều 2.**Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký*.*

Quyết định và Phụ lục kèm theo Quyết định này được đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tại địa chỉ: www.baria-vungtau.gov.vn.

**Điều 3.**Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức cá nhân có liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như Điều 3;  - Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);  - Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC) (b/c);  - TTr.Tỉnh ủy, TTr HĐND tỉnh (b/c);  - UBMTTQVN tỉnh;  - Báo BRVT, Đài PTTH tỉnh;  - Trung tâm Công báo tin học;  - Bộ phận TN và trả KQ tập trung cấp tỉnh;  - Lưu: VT, P.KSTTHC. | **KT.CHỦ TỊCH**  **PHÓ CHỦ TỊCH**  **(đã ký)**  **LÊ TUẤN QUỐC** |

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2378/QĐ-UBND ngày 28 tháng 8 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)*

**PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã**

|  |  |
| --- | --- |
| **STT** | **Tên thủ tục hành chính** |
| **I** | **Lĩnh vực môi trường** |
|  | Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích |
| **II** | **Lĩnh vực đất đai** |
| 1 | Hòa giải tranh chấp đất đai |

**2. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Số hồ sơ TTHC**(1) | **Tên thủ tục hành chính** |
| **III** | **Lĩnh vực Đất đai** | |
|  | T-VTB-290111-TT | Hòa giải tranh chấp đất đai |

**PHẦN II. NỘI DUNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**I. Lĩnh vực môi trường**

**1. Xác nhận hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích**

***1. Trình tự thực hiện***

*a) Bước 1: Nộp hồ sơ*

Tổ chức, cá nhân sau khi thực hiện thỏa thuận, ký Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích với Bên cung cấp, nộp hồ sơ tới Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã để xem xét xác nhận hợp đồng.

*b) Bước 2: Kiểm tra xem xét xác nhận Hợp đồng*

Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có nguồn gen ngoài tự nhiên hoặc nơi đăng ký trụ sở của Bên cung cấp có trách nhiệm xác nhận Hợp đồng do tổ chức, cá nhân đề nghị.

**+ Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:** Từ thứ hai đến sáng thứ sáu hàng tuần *( buổi sáng từ 7giờ 00 đến 11h 30, buổi chiều từ 13h30 đến 17 giờ 00)* trừ ngày ngày Lễ, Tết và các ngày nghỉ khác theo quy định của pháp luật *(nếu có)*.

***2. Cách thức thực hiện***

*a) Cách thức nộp hồ sơ:* Trực tiếp.

*b) Cách thức nhận kết quả giải quyết hồ sơ:* Trực tiếp.

***3. Thành phần, số lượng hồ sơ***

*a) Thành phần hồ sơ:* Hồ sơ gửi Ủy ban nhân dân cấp xã bao gồm:

- Bản sao văn bản xác nhận đăng ký tiếp cận nguồn gen được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp;

- Hợp đồng đã ký giữa các bên liên quan;

- Xuất trình bản chính một trong các giấy tờ là hộ chiếu, chứng minh nhân dân, thẻ căn cước công dân hoặc giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của người đề nghị xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích.

*b) Số lượng hồ sơ:* Không quy định.

***4. Thời hạn giải quyết:*** Không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ.

***5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:*** Tổ chức, cá nhân sau khi thực hiện thỏa thuận, ký Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích với Bên cung cấp.

***6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính***

*a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định:* Ủy ban nhân dân cấp xã.

*b) Cơ quan trực tiếp thực hiện:* Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Mức độ cung cấp dịch vụ công trực tuyến: Mức độ 2

***7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:*** Xác nhận vào Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích.

***8. Phí, lệ phí:*** Không thu phí.

***9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai của thủ tục hành chính:***

*Mẫu số 03:* Mẫu hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích.

***10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính***

Người đề nghị xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích cung cấp một trong các giấy tờ là hộ chiếu, chứng minh nhân dân, thẻ căn cước công dân hoặc giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân.

***11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính***

- Luật Đa dạng sinh học số 20/2008/QH12 của Quốc hội;

- Nghị định số [59/2017/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=59/2017/N%C4%90-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Mẫu số 03***  **HỢP ĐỒNG TIẾP CẬN NGUỒN GEN VÀ CHIA SẺ LỢI ÍCH**  (Số: ….-…. /Bên cung cấp - Bên tiếp cận)  *- Căn cứ Nghị định thư Nagoya về tiếp cận nguồn gen và chia sẻ công bằng, hợp lý lợi ích phát sinh từ việc sử dụng nguồn gen trong khuôn khổ Công ước Đa dạng sinh học;*  *- Căn cứ Bộ luật dân sự năm 2015;*  *- Căn cứ Luật Đa dạng sinh học năm 2008;*  *- Căn cứ Nghị định số*[*59/2017/NĐ-CP*](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=59/2017/N%C4%90-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1)*ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen;*  *- Căn cứ vào nhu cầu của (tên Bên cung cấp) và (tên Bên tiếp cận);*  Hợp đồng này được lập ngày....tháng....năm....tại (địa điểm).....  **Giữa**  **TÊN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN CUNG CẤP NGUỒN GEN** (Sau đây gọi là “Bên cung cấp”)  - Đối với tổ chức: Tên đầy đủ của tổ chức; số, ký hiệu của giấy phép đăng ký kinh doanh, hoạt động, ngày cấp, nơi cấp; số, ký hiệu của quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, mặt nước nơi nguồn gen được tiếp cận, ngày cấp, nơi cấp; tên người đại diện của tổ chức; chức vụ; tên người đại diện liên lạc của tổ chức; địa chỉ liên hệ; điện thoại; fax; địa chỉ thư điện tử.  - Đối với cá nhân: Họ và tên; số thẻ căn cước công dân hoặc giấy tờ tương đương, ngày cấp, nơi cấp; số, ký hiệu của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, mặt nước nơi nguồn gen được tiếp cận, ngày cấp, nơi cấp; địa chỉ liên hệ; điện thoại; fax; địa chỉ thư điện tử.  **Và**  **TÊN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN TIẾP CẬN NGUỒN GEN** (Sau đây gọi là “Bên tiếp cận”)  - Đối với tổ chức: Tên đầy đủ của tổ chức; số, ký hiệu của giấy phép đăng ký kinh doanh, hoạt động hoặc quyết định thành lập, ngày cấp, nơi cấp; tên người đại diện của tổ chức; chức vụ; tên người đại diện liên lạc của tổ chức; địa chỉ liên hệ; điện thoại; fax; địa chỉ thư điện tử.  - Đối với cá nhân:  + Họ và tên; số thẻ căn cước công dân hoặc giấy tờ tương đương, ngày cấp, nơi cấp; địa chỉ liên hệ; điện thoại; fax; địa chỉ thư điện tử;  + Thông tin chi tiết về tổ chức khoa học và công nghệ mà cá nhân là thành viên: Tên đầy đủ của tổ chức; số, ký hiệu của giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ, ngày cấp, nơi cấp; tên người đại diện của tổ chức; chức vụ; địa chỉ liên hệ; điện thoại; fax.  *(Trường hợp có nhiều tổ chức, cá nhân cùng hợp tác để thực hiện tiếp cận nguồn gen, các tổ chức, cá nhân này phải cung cấp đầy đủ các thông tin; tiến hành thỏa thuận, thống nhất các điều khoản và cùng ký Hợp đồng)*  **HAI BÊN CÙNG THỎA THUẬN NHƯ SAU:**  **Điều 1. Bên cung cấp và Bên tiếp cận thống nhất việc cung cấp và sử dụng nguồn gen với các thông tin cụ thể sau đây:**  1. Nguồn gen: Tên thông thường, tên khác, tên khoa học.  2. Mẫu nguồn gen tiếp cận; cách thức, số lượng, khối lượng tiếp cận: Nêu rõ bao nhiêu mẫu vật, khối lượng, cá thể....  3. Mục đích tiếp cận nguồn gen: Ghi rõ mục đích là 1 trong 3 trường hợp: Nghiên cứu không vì mục đích thương mại; nghiên cứu vì mục đích thương mại hoặc phát triển sản phẩm thương mại.  4. Thời gian tiếp cận nguồn gen (bắt đầu, kết thúc): Thời hạn của Giấy phép tiếp cận nguồn gen tối đa không quá 03 năm.  5. Địa điểm tiếp cận nguồn gen.  6. Thông tin cụ thể của các bên dự kiến sử dụng nguồn gen và địa điểm thực hiện các hoạt động sử dụng nguồn gen.  7. Thông tin về dự kiến sử dụng tri thức truyền thống về nguồn gen (nếu có).  8. Thông tin về việc đưa nguồn gen ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.  9. Các thỏa thuận khác.  (Chi tiết tại Phụ lục kèm theo về Kế hoạch tiếp cận nguồn gen)  **Điều 2. Chia sẻ lợi ích thu được từ việc sử dụng nguồn gen**  Tùy từng trường hợp cụ thể, Bên cung cấp và Bên tiếp cận tiến hành thương thảo về hình thức, cách thức chia sẻ lợi ích phù hợp với quy định tại Điều 21, Điều 22 và Điều 23 Nghị định số [59/2017/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=59/2017/N%C4%90-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen và các quy định pháp luật khác có liên quan về chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen.  **Điều 3. Nghĩa vụ của Bên tiếp cận**  1. Đối với việc tiếp cận nguồn gen:  - Chỉ triển khai điều tra, thu thập nguồn gen theo Kế hoạch tiếp cận nguồn gen sau khi có Giấy phép tiếp cận nguồn gen do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp;  - Tiếp cận nguồn gen theo quy định tại Điều 1 của Hợp đồng này.  2. Đối với việc sử dụng nguồn gen:  - Chỉ được sử dụng nguồn gen theo mục đích tiếp cận nguồn gen đã được quy định tại Hợp đồng này;  - Đối với việc phát triển sản phẩm thương mại, phải định kỳ thông tin, báo cáo với Bên cung cấp, cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định về tình hình sử dụng nguồn gen, thông tin về doanh thu từ việc sử dụng và thương mại hóa sản phẩm từ nguồn gen.  3. Thay đổi mục đích tiếp cận, sử dụng nguồn gen: Việc thay đổi mục đích tiếp cận nguồn gen được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số [59/2017/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=59/2017/N%C4%90-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen.  4. Về quyền sở hữu trí tuệ đối với kết quả sáng tạo trên cơ sở tiếp cận nguồn gen:  - Bên tiếp cận đảm bảo cung cấp thông tin về nguồn gốc, xuất xứ nguồn gen của Bên cung cấp khi đăng ký xác lập quyền sở hữu trí tuệ đối với kết quả sáng tạo trên cơ sở tiếp cận, sử dụng nguồn gen;  - Khi tiến hành thương mại hóa quyền sở hữu trí tuệ đối với kết quả sáng tạo từ sử dụng nguồn gen được tiếp cận, Bên tiếp cận phải đảm bảo chia sẻ lợi ích theo Điều 2 của Hợp đồng này và đảm bảo tuân thủ quy định tại khoản 2 Điều 22 Nghị định số [59/2017/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=59/2017/N%C4%90-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen.  5. Chuyển giao nguồn gen đã được tiếp cận cho bên thứ ba: Thực hiện theo các quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số [59/2017/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=59/2017/N%C4%90-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen.  6. Nghĩa vụ chia sẻ lợi ích: Thực hiện chia sẻ lợi ích quy định tại Điều 2 của Hợp đồng này.  7. Chế độ thông tin, báo cáo: Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Nghị định về quản lý tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen và các quy định của pháp luật về tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích.  8. Thanh toán cho Bên cung cấp và các bên liên quan thù lao, chi phí, các khoản phí, lệ phí, thuế theo quy định.  9. Các nghĩa vụ khác theo thỏa thuận giữa các bên.  **Điều 4. Nghĩa vụ của Bên cung cấp**  1. Phối hợp với Bên tiếp cận trong quá trình đề nghị cấp Giấy phép tiếp cận nguồn gen khi có yêu cầu.  2. Cung cấp cho Bên tiếp cận các nguồn gen theo quy định tại Điều 1 của Hợp đồng này.  3. Các nghĩa vụ khác theo thỏa thuận giữa các bên.  **Điều 5. Phương thức giải quyết tranh chấp**  Các tranh chấp, khiếu nại liên quan đến việc tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen được giải quyết theo quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.  **Điều 6. Chế độ sổ sách kế toán**  Bên tiếp cận có trách nhiệm duy trì và cập nhật chính xác, đầy đủ sổ sách kế toán và báo cáo liên quan đến Hợp đồng này, bao gồm:  1. Các giao dịch được thực hiện.  2. Báo cáo riêng rẽ về các biên lai, hóa đơn.  3. Các sổ sách kế toán có thể được tiếp cận và kiểm tra, tất cả được lập theo tiêu chuẩn kế toán chung.  4. Các báo cáo, sổ sách ghi chép về doanh thu có được từ việc khai thác sử dụng nguồn gen được tiếp cận để đảm bảo các khoản thanh toán được chính xác.  5. Bên tiếp cận phải lưu sổ sách kế toán, báo cáo liên quan đến các mẫu vật trong vòng .... năm kể từ ngày hết hạn hoặc chấm dứt Hợp đồng này. Điều khoản này vẫn duy trì ngay cả khi Hợp đồng hết hạn hoặc chấm dứt trước thời hạn.  6. Các thỏa thuận khác.  ***Ngoài các nội dung nêu trên, tùy theo từng trường hợp cụ thể, các bên có thể thỏa thuận về những nội dung sau đây:***  - Thuế, phí, lệ phí.  - Thỏa thuận về bảo mật thông tin phù hợp với quy định pháp luật.  - Bảo hiểm.  - Tiếp cận hồ sơ, sổ sách.  - Sửa đổi, bổ sung Hợp đồng.  - Chấm dứt và thanh lý Hợp đồng.  - Các trường hợp bất khả kháng.  - Các nội dung khác có liên quan.  Hợp đồng này được lập thành ...bản chính (mỗi bản chính gồm …… tờ, ....trang). Mỗi bên giữ ... bản, 01 bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.     |  |  | | --- | --- | | **BÊN CUNG CẤP** *(Ký, ghi rõ họ và tên kèm theo chức danh và đóng dấu nếu có)* | **BÊN TIẾP CẬN** *(Ký, ghi rõ họ và tên kèm theo chức danh và đóng dấu nếu có)* | |
|  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích giữa ... (Bên tiếp cận)... và.... (Bên cung cấp) ... tại ...(địa bàn nơi tiếp cận nguồn gen hoặc địa điểm đăng ký trụ sở của Bên cung cấp).  Lưu tại Ủy ban nhân dân ...(cấp xã)... 01 (một) bản chính.     |  |  | | --- | --- | |  | *(Địa danh), ngày... tháng... năm...* **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ**  *(Ký, ghi rõ họ và tên kèm theo chức danh và đóng dấu)* | |

|  |
| --- |
| **KẾ HOẠCH TIẾP CẬN NGUỒN GEN**  *(Phụ lục kèm theo Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích)*  **1. Thông tin chung về nguồn gen tiếp cận**  - Tên nguồn gen (tên thông thường, tên khoa học, tên khác).  - Mẫu nguồn gen.  - Số lượng/khối lượng nguồn gen tiếp cận; (nêu rõ bao nhiêu mẫu vật, trọng lượng, cá thể...).  - Mục đích tiếp cận nguồn gen.  - Thời gian tiếp cận (bắt đầu, kết thúc): Thời hạn của Giấy phép tiếp cận nguồn gen tối đa không quá 03 năm.  - Địa điểm tiếp cận.  *Tiếp cận ngoài tự nhiên:*  + Vị trí khu vực tiếp cận: Nêu rõ lô, khoảnh, tiểu khu đối với rừng và tọa độ địa lý đối với các hệ sinh thái khác;  + Ranh giới: Mô tả rõ ranh giới tự nhiên, kèm sơ đồ, bản đồ khu tiếp cận tỷ lệ nhỏ nhất là 1:10.000;  + Diện tích khu vực tiếp cận;  + Hiện trạng hệ sinh thái, khu hệ động vật, thực vật tại khu vực tiếp cận.  *Tiếp cận tại cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học, bộ sưu tập:*  Thông tin về nguồn gen dự kiến tiếp cận được lưu giữ tại cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học, bộ sưu tập (thời gian, địa điểm đã thu thập nguồn gen).  **2. Phương án tiếp cận**  - Cách thức tiếp cận và phương pháp tiến hành (phương tiện, công cụ tiếp cận, sử dụng, kỳ/đợt thu mẫu).  - Tổ chức, cá nhân Việt Nam tham gia thực hiện điều tra, thu thập nguồn gen (ghi rõ tên, địa chỉ và đầu mối liên hệ....).  **3. Đánh giá tác động của việc tiếp cận nguồn gen đến đa dạng sinh học, kinh tế và xã hội**  - Dự báo các tác động có thể gây ảnh hưởng đến đa dạng sinh học, hệ sinh thái nơi tiếp cận, kinh tế - xã hội.  - Đề xuất giải pháp nhằm ngăn chặn, giảm thiểu các tác động nêu trên.  **4. Kế hoạch sử dụng nguồn gen**  - Mục đích và kết quả dự kiến của việc sử dụng nguồn gen.  - Việc sử dụng tri thức truyền thống kết hợp với các nguồn gen trong việc sử dụng các nguồn tài nguyên di truyền, bao gồm cả việc xác định các đặc tính, công dụng và lợi ích của nguồn gen (nếu có, mô tả những tri thức truyền thống kết hợp với các nguồn gen và xác định các cộng đồng và cá nhân cung cấp các tri thức truyền thống nếu có sự khác biệt so với các nhà cung cấp các nguồn gen này).  - Tổ chức, cá nhân Việt Nam tham gia thực hiện nghiên cứu, phát triển sản phẩm thương mại từ nguồn gen, dẫn xuất của nguồn gen (ghi rõ tên, địa chỉ và đầu mối liên hệ....).  - Địa điểm tiến hành nghiên cứu, phát triển sản phẩm thương mại từ nguồn gen, dẫn xuất của nguồn gen.  - Hoạt động phát sinh dự kiến (nếu có):  + Đưa nguồn gen ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (chi tiết số lượng/khối lượng nguồn gen và số lần đưa nguồn gen ra nước ngoài);  + Chuyển giao nguồn gen cho bên thứ ba mà không làm thay đổi mục đích sử dụng.  (Kèm theo thông tin về tổ chức, cá nhân tiếp nhận nguồn gen, thời điểm đưa nguồn gen được tiếp cận ra nước ngoài; hoạt động sử dụng dự kiến).  **5. Cam kết chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen**  (Hình thức, cách thức và việc thực hiện chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen được thống nhất trong Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích giữa Bên tiếp cận và Bên cung cấp) |

**II. Lĩnh vực Đất đai**

**1. Hòa giải tranh chấp đất đai**

***1. Trình tự thực hiện:***

- Người đề nghị nộp đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm: thẩm tra, xác minh tìm hiểu nguyên nhân phát sinh tranh chấp, thu thập giấy tờ, tài liệu có liên quan do các bên cung cấp về nguồn gốc đất, quá trình sử dụng đất và hiện trạng sử dụng đất.

- Thành lập Hội đồng hòa giải tranh chấp đất đai để thực hiện hòa giải. Thành phần Hội đồng gồm: Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân là Chủ tịch Hội đồng; đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã, phường, thị trấn; tổ trưởng tổ dân phố đối với khu vực đô thị; trưởng thôn, ấp đối với khu vực nông thôn; đại diện của một số hộ dân sinh sống lâu đời tại xã, phường, thị trấn biết rõ về nguồn gốc và quá trình sử dụng đối với thửa đất đó; cán bộ địa chính, cán bộ tư pháp xã, phường, thị trấn. Tùy từng trường hợp cụ thể, có thể mời đại diện Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

- Tổ chức cuộc họp hòa giải có sự tham gia của các bên tranh chấp, thành viên Hội đồng hòa giải tranh chấp đất đai và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Việc hòa giải chỉ được tiến hành khi các bên tranh chấp đều có mặt. Trường hợp một trong các bên tranh chấp vắng mặt đến lần thứ hai thì được coi là việc hòa giải không thành.

- Kết quả hòa giải tranh chấp đất đai phải được lập thành biên bản, gồm có các nội dung: Thời gian và địa điểm tiến hành hòa giải; thành phần tham dự hòa giải; tóm tắt nội dung tranh chấp thể hiện rõ về nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất đang tranh chấp, nguyên nhân phát sinh tranh chấp (theo kết quả xác minh, tìm hiểu); ý kiến của Hội đồng hòa giải tranh chấp đất đai; những nội dung đã được các bên tranh chấp thỏa thuận, không thỏa thuận được. Biên bản hòa giải phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng, các bên tranh chấp có mặt tại buổi hòa giải, các thành viên tham gia hòa giải và phải đóng dấu của Ủy ban nhân dân cấp xã; đồng thời phải được gửi ngay cho các bên tranh chấp và lưu tại Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Sau thời hạn 10 ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành mà các bên tranh chấp có ý kiến bằng văn bản về nội dung khác với nội dung đã thống nhất trong biên bản hòa giải thành thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lại cuộc họp Hội đồng hòa giải để xem xét giải quyết đối với ý kiến bổ sung và phải lập biên bản hòa giải thành hoặc không thành.

- Trường hợp hòa giải thành mà có thay đổi hiện trạng về ranh giới sử dụng đất, chủ sử dụng đất thì Ủy ban nhân dân cấp xã gửi biên bản hòa giải thành đến Phòng Tài nguyên và Môi trường đối với trường hợp tranh chấp đất đai giữa hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư với nhau; gửi đến Sở Tài nguyên và Môi trường đối với các trường hợp khác.

- Phòng Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định công nhận việc thay đổi ranh giới thửa đất và cấp mới Giấy chứng nhận quyền sử dụng.

- Trường hợp hòa giải không thành hoặc sau khi hòa giải thành mà có ít nhất một trong các bên thay đổi ý kiến về kết quả hòa giải thì UBND xã lập biên bản hòa giải không thành và hướng dẫn các bên tranh chấp gửi đơn đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp tiếp theo.

**+ Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:** Từ thứ hai đến sáng thứ sáu hàng tuần *( buổi sáng từ 7giờ 00 đến 11h 30, buổi chiều từ 13h30 đến 17 giờ 00)* trừ ngày ngày Lễ, Tết và các ngày nghỉ khác theo quy định của pháp luật *(nếu có)*.

***2. Cách thức thực hiện:***

- Nộp hồ sơ trực tiếp.

***3. Thành phần, số lượng hồ sơ:***

- Đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai.

***4. Thời hạn giải quyết***:

- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trường hợp nhận hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì không quá 03 ngày làm việc, cơ quan tiếp nhận, xử lý hồ sơ phải thông báo và hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định

- Thời hạn giải quyết: không quá 45 ngày; đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn thì thời gian thực hiện thì được tăng thêm 15 ngày.

***5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính***: Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân.

***6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính***:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Cơ quan phối hợp: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã, phường, thị trấn; tổ trưởng tổ dân phố đối với khu vực đô thị; trưởng thôn, ấp đối với khu vực nông thôn; đại diện của một số hộ dân sinh sống lâu đời tại xã, phường, thị trấn biết rõ về nguồn gốc và quá trình sử dụng đối với thửa đất đó; cán bộ địa chính, cán bộ tư pháp xã, phường, thị trấn. Tùy từng trường hợp cụ thể, có thể mời đại diện Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường.

- Mức độ cung cấp dịch vụ công trực tuyến: Mức độ 2

***7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:***

- Biên bản hòa giải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng hòa giải, các bên tranh chấp có mặt tại buổi hòa giải, các thành viên tham gia hòa giải (có đóng dấu UBND câp xã);

- Biên bản hòa giải được gửi cho các bên tranh chấp và lưu tại UBND cấp xã.

***8. Lệ phí (nếu có):***không quy định.

***9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai***:không quy định.

***10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính*** (nếu có): không quy định.

***11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

- Luật số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013, có hiệu lực ngày 01/7/2014;

- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014, có hiệu lực ngày 01/7/2014;

- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017, có hiệu lực ngày 03/03/2017.